

## HƯỚNG DẪN

### Thực hiện Quy chế đào tạo đại học chính quy áp dụng cho D16

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Nhà Trường thông báo về việc cụ thể một số điều của TT 08/2021/TT-BGDDĐT áp dụng cho khóa tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 như sau:

#### **Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo**

1. Phương thức tổ chức đào tạo đại học chính quy tại Đại học Điện lực là đào tạo theo tín chỉ:

1.1. Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Nhà trường;

1.2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

1.3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

#### 2. Tổ chức lớp

2.1. Lớp danh nghĩa: là lớp học bao gồm những sinh viên trúng tuyển nhập học cùng khóa, cùng ngành hoặc cùng chuyên ngành; Lớp danh nghĩa có cố vấn học tập, do Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định phân công trên cơ sở đề xuất của các khoa và bộ môn, được mã hóa theo quy định của Đại học Điện lực và chỉ được thành lập 01 lần ngay sau khi sinh viên được công nhận trúng tuyển nhập học nhằm mục đích tạo điều kiện cho sinh viên sinh hoạt đoàn thể; Số lượng lớp danh nghĩa chỉ biến động trong trường hợp có tiếp nhận sinh viên chuyển trường, chuyển ngành/chuyên ngành, sinh viên nghỉ học tạm thời được quay trở lại học tập được biên chế vào khóa sau; sinh viên trong lớp danh nghĩa bao gồm các trạng thái đang học, thôi học, nghỉ học tạm thời, đã tốt nghiệp; Hiệu trưởng quy định cụ thể các trạng thái khác của người học (nếu có).

2.2. Lớp học phần: là lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng sinh viên cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy trong trường, cụ thể:

a) Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương có tối thiểu là 60 sinh viên/lớp học phần và không quá 79 sinh viên/lớp học phần. Riêng học phần ngoại ngữ tối thiểu là 40 sinh viên/lớp học phần và không quá 50 sinh viên/lớp học phần

- b) Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có số sinh viên tối thiểu là 40 và không quá 60 sinh viên/lớp học phần. Đối với các học phần chỉ có 01 ngành/chuyên ngành sĩ số lớp tín chỉ theo thực tế.
- c) Học phần thực hành có tối thiểu là 25 sinh viên/nhóm và không quá 40 sinh viên/nhóm
- d) Các học phần thực tập, đồ án môn học số sinh viên lớp học phần bằng sĩ số lớp danh nghĩa

2.3. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ. Trong trường hợp đặc biệt, Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định việc mở lớp học phần.

#### **Điều 4. Hình thức đào tạo chính quy**

1. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại cơ sở đào tạo, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo nhưng phải được quy định rõ trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt. Trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 6h45 giờ đến 21h10 các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7 với thời lượng 01 tiết là 50 phút, cụ thể như sau:

TT	Tiết học	Giờ bắt đầu	Giờ kết thúc	Thời gian học	Thời gian nghỉ	STT tiết ghi trong TKB
<b>BUỔI SÁNG</b>						
1	Tiết 1	6:45	7:35	50 phút	05 phút	1.....
2	Tiết 2	7:40	8:30	50 phút	05 phút	.2.....
3	Tiết 3	8:35	9:25	50 phút	10 phút	..3.....
4	Tiết 4	9:35	10:25	50 phút	05 phút	...4.....
5	Tiết 5	10:30	11:25	50 phút		....5.....
<b>BUỔI CHIỀU</b>						
6	Tiết 6	12:30	13:20	50 phút	05 phút	.....6.....
7	Tiết 7	13:25	14:15	50 phút	05 phút	.....7.....
8	Tiết 8	14:20	15:10	50 phút	10 phút	.....8.....
9	Tiết 9	15:20	16:10	50 phút	05 phút	.....9.....
10	Tiết 10	16:15	17:05	50 phút		.....0.....
<b>BUỔI TỐI</b>						
11	Tiết 11	17:30	18:20	50 phút	05 phút	.....1.....
12	Tiết 12	18:25	19:15	50 phút	05 phút	.....2.....
13	Tiết 13	19:20	20:10	50 phút		.....3....
14	Tiết 14	20:15	21:05	50 phút		.....4....

## **Điều 6. Tổ chức đăng ký học tập**

1. Đầu khóa học Nhà trường thông báo lịch trình dự kiến toàn khóa học của từng chương trình đào tạo theo từng học kỳ; danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.
2. Kỳ đầu tiên của khóa học, nhà trường sẽ căn cứ chương trình đào tạo dự kiến để đăng ký môn học tự động cho sinh viên; ở các học kỳ tiếp theo, sinh viên phải căn cứ Kế hoạch học tập dự kiến của chuyên ngành theo học trong chương trình đào tạo; kết quả học tập của các học phần đã học; Lịch đăng ký môn học theo từng kỳ nhà trường để có kế hoạch đăng ký các học phần sẽ học trong học kỳ tiếp theo.
3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định là khối lượng tín chỉ của học kỳ trong chương trình đào tạo theo kế hoạch chuẩn toàn khóa được nhà trường công bố. Trường hợp sinh viên đăng ký mới không đủ khối lượng học tập tối thiểu sẽ không được xét học bổng khuyến khích học tập.
4. Sinh viên không thuộc diện bị cảnh báo học tập, số học phần tối đa những sinh viên này được đăng ký bằng học phần tối thiểu cộng 3; số tín chỉ tối đa bằng số tín chỉ tối thiểu cộng 8. Đối với những sinh viên thuộc diện bị cảnh báo kết quả học tập, số học phần tối đa, số tín chỉ tối đa được đăng ký không lớn hơn số học phần tối thiểu, số tín chỉ tối thiểu qui định trong học kỳ tương ứng. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.
5. Sinh viên có điểm học phần là điểm F, phải đăng ký học lại học phần đó ở các học kỳ tiếp theo cho đến khi điểm học phần đạt điểm D trở lên. Trong trường hợp sinh viên bị điểm F của học phần có trong chương trình đào tạo trước nhưng khoá sau không còn tổ chức giảng dạy nữa thì sinh viên được sử dụng học phần thay thế để đăng ký học lại.
6. Ngoài các trường hợp nêu trên của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại học phần đạt điểm D, D<sup>+</sup> để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy; nhưng vẫn phải tuân thủ qui định về số học phần, số tín chỉ tối đa được đăng ký học trong học kỳ.
7. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trạng thái trong nhật ký đăng ký môn học; nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F và bị tính 100% học phí của học phần bỏ học.
8. Khối lượng đăng ký học tập toàn khóa học của sinh viên theo từng học kỳ phải được lưu giữ trên hệ thống cơ sở dữ liệu đào tạo của nhà trường.

## **Điều 8. Tổ chức giảng dạy và học tập**

1. Với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, Nhà trường không chấp nhận các trường hợp cá nhân hoặc đơn vị tự ý đổi thời khóa biểu sau khi đã có danh sách lớp

học phần ảnh hưởng đến lịch học cá nhân của sinh viên. Trong trường hợp bất khả kháng, khoa, bộ môn có thể bố trí giáo viên cùng chuyên môn dạy thay buổi học đó hoặc giảng viên phải báo hủy lịch dạy, xin dạy bù vào thời gian thích hợp. Nhà trường chỉ chấp nhận Phiếu báo bận của giáo viên kèm theo bản sao Quyết định của Hiệu trưởng cử giáo viên đi công tác, học tập... trong thời gian xin hủy lịch dạy.

## 2. Dạy và học trực tuyến:

a) Nhà trường được tổ chức các lớp học theo phương thức trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học phương thức trực tiếp;

b) Đối với đào tạo theo hình thức chính quy tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến tối đa 30%, được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo và được Hiệu trưởng phê duyệt. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Điều 9. Đánh giá và tính điểm học phần**

1. Cuối mỗi đợt học, cuối mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và thêm 1 kỳ thi phụ. Đối với mỗi học phần sinh viên chỉ được dự thi 1 lần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên chưa dự kỳ thi chính vì lý do chính đáng. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, kiểm tra không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 cho bài thi kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở kỳ thi phụ và được tính điểm lần đầu. Hồ sơ xác nhận sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng do phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng quy định

2. Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước ít nhất 02 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được công bố trước ít nhất 1 tuần. Trong kỳ thi từng học phần phải tổ chức riêng biệt không được bố trí ghép một số học phần trong buổi thi của sinh viên. Cần đảm bảo thời gian ôn thi cho mỗi học phần theo nguyên tắc tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đề xuất thời gian ôn thi cụ thể cho mỗi học phần, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Nội dung đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình đào tạo. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, báo cáo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần được Hiệu trưởng phê duyệt hoặc được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế được Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường chấp nhận.

4. Việc chấm thi kết thúc các học phần phải do ít nhất hai giảng viên cùng nhóm chuyên môn đảm nhiệm. Điểm thi vấn đáp, thi thực hành, báo cáo chuyên được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng

khoa giải quyết theo quy định, nhưng vẫn đảm bảo kết quả thi được công bố ngay sau buổi thi.

5. Điểm bài thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng phách điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và lập thành ba bản. Một bản lưu tại khoa, bộ môn; hai bản lưu tại phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Sau khi ghép phách giảng viên phụ trách lớp học phần xuất dữ liệu, in ba bản báo cáo kết quả học tập của sinh viên lớp học phần có xác nhận của trưởng khoa, bộ môn. Một bản gửi lưu tại khoa, bộ môn, một bản nộp về phòng Đào tạo của trường, một bản giảng viên lưu. Báo cáo kết quả lớp học phần nộp về phòng Đào tạo chậm nhất 10 sau khi thi học phần.

6. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc học phần hỗn hợp có cả lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, tiểu luận/bài tập dài.

6.1. Điểm đánh giá học phần gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm đánh giá bộ phận là trung bình cộng của các điểm trong quá trình học tập của sinh viên, bao gồm các bài kiểm tra định kỳ; điểm làm tiểu luận; điểm bài tập dài; điểm các bài thực hành, bài thí nghiệm... chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến phân nguyên. Điểm đánh giá bộ phận (ký hiệu là  $a_1$ ), được làm tròn đến 1 chữ số thập phân; Giảng viên phụ trách lớp học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận. Điểm thi kết thúc học phần là điểm thi bài thi kết thúc học phần (ký hiệu là  $a_2$ ), chấm theo thang điểm 10 lẻ đến 0,5. Kỳ thi kết thúc học phần do phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đầu mối lập kế hoạch và triển khai thực hiện.

6.2. Công thức tính điểm đối với học phần học và thi trực tiếp:  $a = (a_1 * 3 + a_1 * 7) / 10$

Công thức tính điểm đối với học phần học và thi trực tuyến:  $a = (a_1 * 5 + a_1 * 5) / 10$

6.3. Việc lựa chọn số lượng điểm đánh giá bộ phận, các hình thức đánh giá điểm bộ phận; hình thức thi kết thúc học phần, thời gian làm bài thi kết thúc học phần phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần được Hiệu trưởng phê duyệt và phải công bố cho sinh viên ngay khi môn học bắt đầu.

7. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành và được giảng viên giảng dạy lớp học phần đánh giá theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. Số lượng các bài thực hành phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần được Hiệu trưởng phê duyệt.

8. Các học phần thực tập, đồ án môn học điểm thi kết thúc học phần là điểm báo cáo thực tập, báo cáo đồ án môn học chấm theo thang điểm 10 lẻ đến 0,5.

9. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

9.1. Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập:

a) Loại đạt:

A (8,5 – 10,0)

Giỏi

$B^+$ (8,0 – 8,4); B (7,0 – 7,9)	Khá
$C^+$ (6,5 – 6,9); C (5,5 – 6,4)	Trung bình
$D^+$ (5,0 – 5,4); D (4,0 – 4,9)	Trung bình yếu
b) Loại không đạt: F (dưới 4,0)	Kém

9.2. Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập: loại P từ 5,0 trở lên, loại F dưới 5,0

9.3. Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu; R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

## 10. Học lại, học cải thiện điểm

10.1. Sinh viên có điểm học phần không đạt (điểm F) theo mức phân loại tại mục 9.1,

Điều này phải đăng ký học lại theo quy định tại mục 1.2 và mục 1.3 Điều 3 của Quy chế này ở các học kỳ tiếp theo cho đến khi điểm học phần đạt điểm D trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm 9.3 Điều này. Sinh viên không thuộc diện bị cảnh báo kết quả học tập, số học phần tối đa những sinh viên này được đăng ký bằng học phần tối thiểu cộng 3; số tín chỉ tối đa bằng số tín chỉ tối thiểu cộng 8. Đối với những sinh viên thuộc diện bị cảnh báo kết quả học tập, số học phần tối đa, số tín chỉ tối đa được đăng ký không lớn hơn số học phần tối thiểu, số tín chỉ tối thiểu qui định trong kỳ.

10.2. Ngoài các trường hợp nêu trên của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại học phần đạt điểm D,  $D^+$  để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy; nhưng vẫn phải tuân thủ qui định về số học phần, số tín chỉ tối đa được đăng ký trong học kỳ. Điểm chính thức của học phần là điểm cao nhất trong các lần học.

## Điều 10. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4,0	C tương ứng với 2,0
$B^+$ tương ứng với 3,5	$D^+$ tương ứng với 1,5
B tương ứng với 3,0	D tương ứng với 1,0
$C^+$ tương ứng với 2,5	F tương ứng với 0,0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình tích lũy của mỗi học kỳ hay của năm học, khóa học được làm tròn đến 2 số thập phân. Công thức tính như sau:

$$A = \left[ \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i} \right]$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình chung
- $a_i$  là điểm học phần của học phần thứ i

-  $n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ i

- N là tổng số học phần

3. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, gồm cả học phần học lần đầu và học phần học lại. Điểm trung bình chung học kỳ dùng để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ để xét cảnh báo kết quả học tập, xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích luỹ được (có điểm chữ là A, B+, B, C+, C, D+ hoặc D), tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét. Trọng số của các học phần là số tín chỉ tương ứng của các học phần đó. Điểm trung bình chung tích lũy dùng để xét điều kiện làm đồ án/khoa luận tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học.

5. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 1 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

6. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy theo thang điểm 4 như sau:

Mức điểm	Xếp loại	Ghi chú
Từ 3,60 đến 4,0	Xuất sắc	
Từ 3,20 đến cận 3,59	Giỏi	
Từ 2,50 đến cận 3,19	Khá	
Từ 2,00 đến cận 2,49	Trung bình	
Từ 1,50 đến 1,99	Trung bình yếu	
Từ 0,80 đến 1,49	Yếu	Đối với học kỳ 1
Từ 1,00 đến 1,49	Yếu	Đối với các học kỳ sau
Dưới 0,80	Kém	Đối với học kỳ 1
Dưới 1,00	Kém	Đối với các học kỳ sau

#### **Điều 11. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ**

1. Cuối mỗi học kỳ chính, nhà trường căn cứ điểm trung bình học kỳ của để xét cảnh báo học tập. Sinh viên được cảnh báo học tập nếu học lực của học kỳ xếp loại kém (điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo).

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong trường hợp: có 02 học kỳ bị cảnh báo học tập liên tục hoặc có 03 học kỳ bị cảnh báo học tập hoặc thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sau khi học kỳ kết thúc Phòng Đào tạo chủ trì việc xét kết quả học tập của sinh viên, kết quả của việc xét này phải được thông báo cho người học điểm trung bình

học kỳ, xếp loại học lực của học kỳ; danh sách sinh viên được cảnh báo học tập, số lần cảnh báo; danh sách sinh viên bị buộc thôi học, lý do bị buộc thôi học.

4. Chậm nhất là 15 ngày sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo cho sinh viên, gia đình sinh viên được biết và thông báo trên Website của nhà Nhà trường. Trong trường hợp Nhà trường có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học vì lý do học lực được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

*Lưu ý:*

- *Những nội dung khác của Quy chế thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư.*
- *Trong quá trình thực hiện có vướng mắc tập hợp ý kiến gửi về phòng Đào tạo để trình Ban giám hiệu xem xét xử lý.* ✓

**Noi nhận:**

- BGH;
- Các Khoa, Bộ môn, TT;
- Các Phòng, TT;
- Đăng Web;
- Tất cả các lớp D16;
- Lưu :VT, ĐT.

